



Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014



Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long
Thông tin về Công ty

**Giấy chứng nhận đăng ký
kinh doanh số**

0200344752

ngày 5 tháng 3 năm 1999

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0200344752 ngày 4 tháng 3 năm 2014. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp.

Hội đồng Quản trị

Phạm Hữu Quý Lâm	Chủ tịch
Bùi Quốc Hưng	Phó Chủ tịch
Lâm Hồng Thanh	Thành viên
Nguyễn Văn Bình	Thành viên
Mai Xuân Phong	Thành viên

Ban Giám đốc

Nguyễn Văn Bình	Tổng Giám đốc <i>(từ ngày 1 tháng 7 năm 2014)</i>
Wilson Cheah Hui Pin	Tổng Giám đốc <i>(đến ngày 1 tháng 7 năm 2014)</i>
Phạm Thị Thu Nga	Phó Tổng Giám đốc <i>(từ ngày 10 tháng 3 năm 2014)</i>
Nguyễn Văn Bình	Phó Tổng Giám đốc <i>(đến ngày 1 tháng 7 năm 2014)</i>

Ban Kiểm soát

Nguyễn Thành Chánh	Trưởng ban
Đoàn Thị Chín	Thành viên
Trần Phước Thái	Thành viên

Trụ sở đăng ký

Số 71 Lê Lai
Quận Ngô Quyền
Thành phố Hải Phòng
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

343
CƠ
CH N
K
TƯ

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long **Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 5 đến trang 41 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long (“Công ty”) và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và công ty con cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty và công ty con sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất này.



Thay mặt Ban Giám đốc

Nguyễn Văn Bình
Tổng Giám đốc

Thành phố Hải Phòng, 13 -03- 2015

==
==
==
==
==

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long (“Công ty”) và công ty con, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 13-03-2015, được trình bày từ trang 5 đến 41.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm đối với hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty và công ty con liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty và công ty con. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

334
TY
HỮU
IG
A-T

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Giấy chứng nhận đầu tư số: 011043000345

Báo cáo kiểm toán số: 14-02-113/d



Wang Toon Kim

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0557-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, 13-03-2015

Lại Thùy Linh

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 2040-2013-007-1

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B 01 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		136.657.037.795	121.759.431.674
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	14.127.622.047	22.228.467.834
Tiền	111		14.127.622.047	22.228.467.834
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	11	2.079.449.600	1.741.762.200
Các khoản đầu tư ngắn hạn	121		5.648.780.000	5.952.080.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn	129		(3.569.330.400)	(4.210.317.800)
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		17.424.917.754	9.792.197.378
Phải thu khách hàng	131		15.077.190.996	8.689.453.525
Trả trước cho người bán	132		2.391.755.316	824.115.827
Các khoản phải thu khác	135	6	6.800.020.894	7.122.677.478
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(6.844.049.452)	(6.844.049.452)
Hàng tồn kho	140	7	99.622.361.321	87.391.494.152
Hàng tồn kho	141		101.045.473.773	88.288.050.456
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.423.112.452)	(896.556.304)
Tài sản ngắn hạn khác	150		3.402.687.073	605.510.110
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		189.608.387	288.532.716
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2.192.388.415	32.573.275
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		368.693.472	-
Tài sản ngắn hạn khác	158		651.996.799	284.404.119
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 260)	200		59.564.363.399	57.576.780.866
Tài sản cố định	220		58.456.271.273	56.948.352.429
Tài sản cố định hữu hình	221	8	44.311.137.481	43.023.718.637
Nguyên giá	222		131.083.611.646	122.640.635.102
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(86.772.474.165)	(79.616.916.465)
Tài sản cố định vô hình	227	9	12.532.172.202	12.532.172.202
Nguyên giá	228		12.532.172.202	12.532.172.202
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	1.612.961.590	1.392.461.590
Tài sản dài hạn khác	260		1.108.092.126	628.428.437
Chi phí trả trước dài hạn	261		790.092.126	428.428.437
Tài sản dài hạn khác	268		318.000.000	200.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		196.221.401.194	179.336.212.540

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		80.588.758.864	72.582.370.251
Nợ ngắn hạn	310		80.317.473.149	72.311.084.536
Vay và nợ ngắn hạn	311	13	5.916.339.109	11.281.960.063
Phải trả người bán	312		41.158.318.076	24.082.695.801
Người mua trả tiền trước	313		3.098.810.779	2.209.875.907
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	4.255.765.252	8.673.211.091
Phải trả người lao động	315		12.101.964.797	11.381.158.116
Chi phí phải trả	316	15	5.310.815.200	6.090.716.509
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	16	457.349.988	854.353.456
Dự phòng phải trả	320	18	5.458.254.250	5.458.254.250
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323	17	2.559.855.698	2.278.859.343
Vay và nợ dài hạn	330		271.285.715	271.285.715
Phải trả dài hạn khác	333		271.285.715	271.285.715
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		115.632.642.330	106.753.842.289
Vốn chủ sở hữu	410	20	115.632.642.330	106.753.842.289
Vốn cổ phần	411	21	50.000.000.000	50.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		15.753.387.350	15.753.387.350
Quỹ đầu tư phát triển	417	23	13.506.371.237	12.232.663.256
Quỹ dự phòng tài chính	418	23	11.493.304.394	10.856.450.403
Lợi nhuận chưa phân phối	420		24.879.579.349	17.911.341.280
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		196.221.401.194	179.336.212.540

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Đơn vị tiền tệ	31/12/2014	31/12/2013
Nợ khó đòi đã xử lý	VND	2.396.601.988	2.396.601.988
Ngoại tệ	USD	4.563	185.247

Người lập:

Nguyễn Hồng Nam
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Văn Bình
Tổng Giám đốc

13 -03- 2015

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B 02 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	2014 VND	2013 VND
Tổng doanh thu	01	24	416.635.534.640	484.486.917.972
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	24	11.322.699.306	2.303.482.633
Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10	24	405.312.835.334	482.183.435.339
Giá vốn hàng bán	11	25	293.793.497.042	365.147.147.157
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		111.519.338.292	117.036.288.182
Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	599.200.109	311.214.275
Chi phí tài chính	22	27	174.476.405	4.275.313.067
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		628.756.220	2.652.224.541
Chi phí bán hàng	24		49.760.155.834	50.525.640.373
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		39.022.139.097	43.316.438.057
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		23.161.767.065	19.230.110.960
Thu nhập khác	31	28	6.531.150.838	3.701.228.101
Chi phí khác	32	29	6.682.206.379	3.653.511.657
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(151.055.541)	47.716.444
Lợi nhuận trước thuế (50 = 30 + 40)	50		23.010.711.524	19.277.827.404
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	5.355.057.492	6.540.747.593
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		17.655.654.032	12.737.079.811
Lãi trên cổ phiếu		31		
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		3.531	2.547

Người lập:

Nguyễn Hồng Nam
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Văn Bình
Tổng Giám đốc

19 -03- 2015

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN/HN

	Mã Thuyết số minh	2014 VND	2013 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	23.010.711.524	19.277.827.404
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	7.816.962.781	8.624.412.932
Các khoản dự phòng	03	(114.431.252)	1.062.017.287
Chênh lệch giữa khoản thu từ thanh lý và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con bị thanh lý	05	-	1.180.402.339
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(615.110.409)	(299.880.938)
Chi phí lãi vay	06	628.756.220	2.652.224.541
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	30.726.888.864	32.497.003.565
Biến động các khoản phải thu	09	(9.792.535.516)	(2.405.672.351)
Biến động hàng tồn kho	10	(12.757.423.317)	(8.998.301.195)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	17.618.987.900	16.533.085.923
Biến động chi phí trả trước	12	(262.739.360)	236.133.892
		25.533.178.571	37.862.249.834
Tiền lãi vay đã trả	13	(628.756.220)	(2.652.224.541)
Thuế thu nhập đã nộp	14	(10.251.725.652)	(8.386.860.053)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(1.481.450.316)	(1.026.690.346)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	13.171.246.383	25.796.474.894
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(9.324.881.625)	(1.935.002.024)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22	309.700.000	-
Tiền thu từ thanh lý công ty con	22	-	4.074.947.966
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	303.300.000	-
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27	305.410.409	299.880.938
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(8.406.471.216)	2.439.826.880

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN

	Mã Thuyết số minh	2014 VND	2013 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền vay ngắn hạn và dài hạn nhận được	33	43.101.001.730	126.142.632.860
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(48.466.622.684)	(133.367.567.340)
Tiền trả cổ tức	36	(7.500.000.000)	(7.500.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(12.865.620.954)	(14.724.934.480)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(8.100.845.787)	13.511.367.294
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	22.228.467.834	8.717.100.540
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70 5	14.127.622.047	22.228.467.834

Người lập:



Nguyễn Hồng Nam
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Văn Bình
Tổng Giám đốc

13 -03- 2015

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 bao gồm Công ty và công ty con của Công ty. Các hoạt động chính của Công ty và công ty con là:

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất của chủ sở hữu, người sử dụng đất hoặc người thuê đất;
- Sản xuất, chế biến, đóng hộp và xuất khẩu các mặt hàng thủy, hải sản, súc sản đông lạnh và các thực phẩm khác;
- Nhập khẩu các thiết bị, công nghệ, nguyên vật liệu, hóa chất phục vụ sản xuất các mặt hàng của Công ty;
- Sản xuất dầu gan cá và các chế phẩm nang mềm;
- Sản xuất các chế phẩm từ tảo biển: Agar – Alginate; và
- Kinh doanh xăng, dầu, khí đốt và khí hóa lỏng.

Chi tiết về công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

Tên công ty con	Hoạt động chính	31/12/2014 và 31/12/2013	
		Tỷ lệ sở hữu đăng ký	Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết
Công ty TNHH MTV Đồ hộp Hạ Long - Đà Nẵng	Chế biến và bảo quản cá và các sản phẩm từ cá, chế biến và bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt, chế biến và bảo quản rau củ quả, sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và các mặt hàng thủy sản, và là đại lý bán hàng, ký gửi	100%	100%

Công ty con được thành lập tại Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty và công ty con có 842 nhân viên (31/12/2013: 725 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty và công ty con từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”).

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty và công ty con áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ Công ty và công ty con và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Công ty và công ty con tại đơn vị nhận đầu tư.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn nguyên giá hoặc nếu công ty nhận đầu tư bị lỗ. Sau khi khoản dự phòng này được lập, nếu giá trị có thể thu hồi của khoản đầu tư tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty và công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	6 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	4 – 12 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 - 10 năm
▪ dụng cụ văn phòng	3 – 4 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp. Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao không được tính đối với quyền sử dụng đất có thời hạn không xác định.

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(j) Phải trả người bán và các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

Phải trả người bán và các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác thể hiện theo nguyên giá.

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty và công ty con có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Công ty.

Theo Luật Bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty và công ty con và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Công ty và công ty con không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Ngày 24 tháng 10 năm 2012, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 180/2012/TT-BTC (“Thông tư 180”) hướng dẫn xử lý tài chính về chi trợ cấp mất việc làm cho người lao động tại doanh nghiệp. Thông tư 180 quy định rằng, khi lập báo cáo tài chính cho năm 2012, nếu quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm của doanh nghiệp (Tài khoản 351 – Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm) còn số dư, doanh nghiệp phải hoàn nhập số dư này vào tài khoản thu nhập khác năm 2012 và không được chuyển số dư này sang năm sau. Ban Giám đốc Công ty và công ty con tin rằng Thông tư 180 cũng áp dụng đối với dự phòng trợ cấp thôi việc. Do đó, Công ty và công ty con đã hoàn nhập số dư của dự phòng trợ cấp thôi việc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 sang tài khoản thu nhập khác cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 và sẽ không trích lập dự phòng trợ cấp thôi việc nữa. Thay đổi về chính sách kế toán này đã được áp dụng phi hồi tố từ năm 2012.

Nếu Công ty và công ty con áp dụng chính sách kế toán về trích lập dự phòng trợ cấp thôi việc theo Bộ Luật Lao động và Chuẩn mực kế toán số 18 – Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng, nợ phải trả dài hạn và lợi nhuận chưa phân phối tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 sẽ lần lượt tăng 3.313 triệu VND và giảm 2.584 triệu VND (trừ ảnh hưởng của thuế thu nhập hoãn lại là 729 triệu VND) (31/12/2013: Nợ phải trả dài hạn và lợi nhuận chưa phân phối sẽ lần lượt tăng 2.277 triệu VND và giảm 1.776 triệu VND, trừ ảnh hưởng của thuế thu nhập hoãn lại là 501 triệu VND).

(l) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty và công ty con và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Công ty và công ty con phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty và công ty con xếp tài sản tài chính vào nhóm phân ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty và công ty con có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty và công ty con xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các tài sản tài chính đã được Công ty và công ty con xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- Các khoản mà Công ty và công ty con có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty và công ty con xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các khoản được Công ty và công ty con xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- Các khoản mà Công ty và công ty con có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- Các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- Các khoản cho vay và các khoản phải thu.

(ii) **Nợ phải trả tài chính**

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu:
 - khoản nợ đó được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty và công ty con xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(n) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(ii) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(iii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iv) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

(o) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(p) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh.

(q) Lãi trên cổ phiếu

Công ty và công ty con trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty và công ty con chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

(r) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty và công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Báo cáo bộ phận chính yếu của Công ty và công ty con được lập theo vùng địa lý.

(s) Các bên liên quan

Các bên liên quan bao gồm các tổ chức và các cá nhân có ảnh hưởng đáng kể trực tiếp hoặc gián tiếp tới Công ty và công ty con, các nhân viên quản lý chủ chốt, các thành viên mật thiết trong gia đình của những người này và các công ty con và các công ty liên kết của các tổ chức và cá nhân này.

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

4. Báo cáo bộ phận

(a) Bộ phận chia theo vùng địa lý

Công ty và công ty con có các bộ phận phân chia theo vùng địa lý chính như sau:

	Nội địa		Xuất khẩu		Loại trừ		Hợp nhất	
	2014 VND	2013 VND	2014 VND	2013 VND	2014 VND	2013 VND	2014 VND	2013 VND
Doanh thu bán hàng ra bên ngoài	316.321.794.567	308.544.186.461	88.991.040.767	173.639.248.878	-	-	405.312.835.334	482.183.435.339
Doanh thu giữa các bộ phận	28.454.791.861	41.568.267.626	-	10.215.687.770	(28.454.791.861)	(51.783.955.396)	-	-
Tổng doanh thu của bộ phận	344.776.586.428	350.112.454.087	88.991.040.767	183.854.936.648	(28.454.791.861)	(51.783.955.396)	405.312.835.334	482.183.435.339
Kết quả kinh doanh của bộ phận	20.680.169.188	27.325.981.935	3.628.241.228	900.891.641	(1.146.643.351)	(8.996.762.616)	23.161.767.065	19.230.110.960
Thu nhập khác	6.638.634.792	3.980.539.734	-	-	(107.483.954)	(279.311.633)	6.531.150.838	3.701.228.101
Chi phí khác	(6.682.206.379)	(3.932.823.290)	-	-	-	279.311.633	(6.682.206.379)	(3.653.511.657)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(4.876.327.965)	(6.407.181.878)	(478.729.527)	(133.565.715)	-	-	(5.355.057.492)	(6.540.747.593)
Lợi nhuận thuần sau thuế	15.760.269.636	20.966.516.501	3.149.511.701	767.325.926	(1.254.127.305)	(8.996.762.616)	17.655.654.032	12.737.079.811

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

	Nội địa		Xuất khẩu		Loại trừ		Hợp nhất	
	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Tài sản của bộ phận	187.761.891.392	218.969.761.901	56.283.841.511	5.451.300.491	(47.824.331.709)	(45.084.849.852)	196.221.401.194	179.336.212.540
Nợ phải trả của bộ phận	67.311.109.427	101.331.591.818	43.512.225.556	-	(30.234.576.119)	(28.749.221.567)	80.588.758.864	72.582.370.251
Chi phí vốn	6.697.245.546	1.916.471.943	2.627.636.079	18.530.081	-	-	9.324.881.625	1.935.002.024
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	6.533.861.724	8.089.785.299	1.283.101.057	534.627.633	-	-	7.816.962.781	8.624.412.932



Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(b) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Công ty và công ty con gồm các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau:

	Sản xuất thực phẩm đóng hộp		Kinh doanh thực phẩm		Loại trừ		Hợp nhất	
	2014 VND	2013 VND	2014 VND	2013 VND	2014 VND	2013 VND	2014 VND	2013 VND
Doanh thu bán hàng ra bên ngoài	405.312.835.334	313.451.262.849	-	168.732.172.490	-	-	405.312.835.334	482.183.435.339
Doanh thu giữa các bộ phận	28.454.791.861	41.568.267.626	-	10.215.687.770	(28.454.791.861)	(51.783.955.396)	-	-
Tổng doanh thu của bộ phận	433.767.627.195	355.019.530.475	-	178.947.860.260	(28.454.791.861)	(51.783.955.396)	405.312.835.334	482.183.435.339
Kết quả kinh doanh của bộ phận	24.308.410.416	27.692.610.716	-	534.262.860	(1.146.643.351)	(8.996.762.616)	23.161.767.065	19.230.110.960
Thu nhập khác	6.638.634.792	3.980.539.734	-	-	(107.483.954)	(279.311.633)	6.531.150.838	3.701.228.101
Chi phí khác	(6.682.206.379)	(3.932.823.290)	-	-	-	279.311.633	(6.682.206.379)	(3.653.511.657)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(5.355.057.492)	(6.407.181.878)	-	(133.565.715)	-	-	(5.355.057.492)	(6.540.747.593)
Lợi nhuận thuần sau thuế	18.909.781.337	21.333.145.282	-	400.697.145	(1.254.127.305)	(8.996.762.616)	17.655.654.032	12.737.079.811

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

	Sản xuất thực phẩm đóng hộp		Kinh doanh thực phẩm		Loại trừ		Hợp nhất	
	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Tài sản của bộ phận	244.045.732.903	224.421.062.392	-	-	(47.824.331.709)	(45.084.849.852)	196.221.401.194	179.336.212.540
Nợ phải trả của bộ phận	110.823.334.983	101.331.591.818	-	-	(30.234.576.119)	(28.749.221.567)	80.588.758.864	72.582.370.251
Chi phí vốn	9.324.881.625	1.935.002.024	-	-	-	-	9.324.881.625	1.935.002.024
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	7.816.962.781	8.253.681.932	-	370.731.000	-	-	7.816.962.781	8.624.412.932

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Tiền mặt	461.351.174	721.343.665
Tiền gửi ngân hàng	13.666.270.873	21.507.124.169
	14.127.622.047	22.228.467.834

6. Các khoản phải thu ngắn hạn

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Phải thu từ người lao động	841.501.230	567.000.000
Phải thu từ các cá nhân (*)	5.458.254.250	5.458.254.250
Phải thu khác	500.265.414	1.097.423.228
	6.800.020.894	7.122.677.478

(*) Phải thu từ các cá nhân về thuế giá trị gia tăng phải nộp Nhà nước trị giá 5.458.254.250 VND đã được ghi nhận phù hợp với bản án phúc thẩm số 03/HSPT ngày 12 và 13 tháng 1 năm 2005.

7. Hàng tồn kho

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Hàng mua đang đi trên đường	686.430.073	1.594.675.522
Nguyên vật liệu	42.070.257.973	38.511.915.273
Công cụ, dụng cụ	139.364.982	179.434.679
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	21.429.994.898	15.943.923.635
Thành phẩm	34.512.790.561	30.709.363.410
Hàng gửi đi bán	2.206.635.286	1.348.737.937
	101.045.473.773	88.288.050.456
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.423.112.452)	(896.556.304)
	99.622.361.321	87.391.494.152

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

Biến động trong năm của dự phòng giảm giá hàng tồn kho là như sau:

	2014	2013
	VND	VND
Số dư đầu năm	896.556.304	1.603.174.608
Tăng dự phòng trong năm	526.556.148	858.421.861
Thanh lý công ty con	-	(1.565.040.165)
Số dư cuối năm	1.423.112.452	896.556.304

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 không có hàng tồn kho nào được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty và công ty con (31/12/2013: hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 33.300 triệu VND) .

8. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Dụng cụ văn phòng VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	50.896.419.997	62.634.710.675	6.869.616.724	2.239.887.706	122.640.635.102
Tăng trong năm	1.240.349.363	2.218.702.262	-	-	3.459.051.625
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	4.607.430.000	973.520.000	64.380.000	5.645.330.000
Phân loại lại	-	-	(32.583.314)	32.583.314	-
Thanh lý	-	-	(661.405.081)	-	(661.405.081)
Số dư cuối năm	52.136.769.360	69.460.842.937	7.149.148.329	2.336.851.020	131.083.611.646
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	26.396.184.343	46.030.570.903	5.734.304.839	1.455.856.380	79.616.916.465
Khấu hao trong năm	2.987.252.478	3.955.862.575	559.695.365	314.152.363	7.816.962.781
Phân loại lại	-	-	(32.583.314)	32.583.314	-
Xóa sổ	-	-	(661.405.081)	-	(661.405.081)
Số dư cuối năm	29.383.436.821	49.986.433.478	5.600.011.809	1.802.592.057	86.772.474.165
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	24.500.235.654	16.604.139.772	1.135.311.885	784.031.326	43.023.718.637
Số dư cuối năm	22.753.332.539	19.474.409.459	1.549.136.520	534.258.963	44.311.137.481

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 có các tài sản có nguyên giá 49,372 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (31/12/2013: 50.043 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, tài sản cố định hữu hình có giá trị là 14.358 triệu VND (31/12/2013: 9.500 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty và công ty con.

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất có thời hạn không xác định.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, tài sản cố định vô hình với giá trị 11.259 triệu VND được thế chấp tại Ngân hàng TNHH Indovina – chi nhánh Đà Nẵng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Đồ hộp Hạ Long – Đà Nẵng (31/12/2013: Không).

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	2014 VND	2013 VND
Số dư đầu năm	1.392.461.590	1.423.007.044
Tăng trong năm	5.865.830.000	1.759.502.024
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(5.645.330.000)	(1.790.047.478)
Số dư cuối năm	1.612.961.590	1.392.461.590

Xây dựng cơ bản dở dang chủ yếu thể hiện cơ sở hạ tầng được phát triển với mục đích cho thuê trong tương lai.

11. Các khoản đầu tư tài chính

	31/12/2014		31/12/2013	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
Đầu tư ngắn hạn:				
• Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Thủy sản Minh Phú	-	-	4.740	303.300.000
• Cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Quân đội	96.701	3.142.610.000	96.701	3.142.610.000
• Cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng	82.411	2.506.170.000	51.935	2.506.170.000
	179.112	5.648.780.000	153.376	5.952.080.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn		(3.569.330.400)		(4.210.317.800)
		2.079.449.600		1.741.762.200

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

Biến động trong năm của dự phòng giảm giá đầu tư như sau:

	2014 VND	2013 VND
Số dư đầu năm	4.210.317.800	4.181.392.000
Tăng dự phòng trong năm	-	28.925.800
Hoàn nhập	(640.987.400)	-
Số dư cuối năm	3.569.330.400	4.210.317.800

12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	31/12/2014		31/12/2013	
	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND
Lỗi tính thuế	-	-	2.219.951.776	488.389.391

13. Vay ngắn hạn

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Vay ngắn hạn	5.916.339.109	10.159.608.819
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 19)	-	1.122.351.244
	5.916.339.109	11.281.960.063

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Khoản vay ngân hàng Indovina – chi nhánh Đà Nẵng	USD	3%-3.25%	5.916.339.109	-
Khoản vay ngân hàng Indovina	VND	6%	-	4.716.409.500
Khoản vay ngân hàng HSBC	VND	8,8%	-	5.386.765.053
Các khoản vay khác	VND	12%	-	56.434.266
			5.916.339.109	10.159.608.819

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, khoản vay từ ngân hàng Indovina – chi nhánh Đà Nẵng được đảm bảo bằng toàn bộ nhà cửa, vật kiến trúc có giá trị ghi sổ là 14.358 triệu VND (31/12/2013: Không) (Thuyết minh 8) và quyền sử dụng đất với giá trị là 11.259 triệu VND (31/12/2013: Không) (Thuyết minh 9).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, các khoản vay từ ngân hàng HSBC được đảm bảo bằng hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 15.000 triệu VND.

Các khoản vay khác không được đảm bảo.

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Thuế giá trị gia tăng	1.965.268.839	1.935.707.568
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.173.442.223	5.701.416.911
Thuế thu nhập cá nhân	658.561.317	567.468.923
Thuế nhà đất	458.492.873	468.617.689
	<hr/>	<hr/>
	4.255.765.252	8.673.211.091

15. Chi phí phải trả

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Phải trả chi phí tiếp thị và quảng cáo	1.936.275.713	4.743.941.173
Phải trả chi phí điện, nước và tiện ích khác	1.086.578.051	1.346.775.336
Khác	2.287.961.436	-
	<hr/>	<hr/>
	5.310.815.200	6.090.716.509

16. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Kinh phí công đoàn	100.065.428	190.119.703
Bảo hiểm xã hội	113.443.463	(1.352.896)
Bảo hiểm y tế	-	308.180.683
Bảo hiểm thất nghiệp	-	133.900.270
Các khoản phải trả, phải nộp khác	243.841.097	223.505.696
	<hr/>	<hr/>
	457.349.988	854.353.456

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

17. Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2014 VND	2013 VND
Số dư đầu năm	2.278.859.343	3.020.331.757
Phân bổ từ lợi nhuận chưa phân phối	636.853.991	531.173.550
Sử dụng trong năm	(355.857.636)	(961.009.073)
Thanh lý công ty con	-	(311.636.891)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	2.559.855.698	2.278.859.343

18. Dự phòng ngắn hạn

Khoản tiền 5.458.254.250 VND phản ánh khoản dự phòng cho thuế giá trị gia tăng phải nộp vào ngân sách nhà nước theo bản án phúc thẩm số 03/HSPT ngày 12 và 13 tháng 1 năm 2005. Công ty và công ty con có nghĩa vụ phải nộp khoản thuế này vào Ngân sách Nhà nước khi thu được tiền từ các cá nhân. Tại ngày báo cáo, Công ty và công ty con vẫn không thu được khoản này từ các cá nhân.

19. Vay dài hạn

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Vay dài hạn	-	1.122.351.244
Hoàn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 13)	-	(1.122.351.244)
	<hr/>	<hr/>
Hoàn trả sau 12 tháng	-	-

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn còn số dư là như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Các khoản vay từ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (“BIDV”)					
Hợp đồng tín dụng số 01.28.2009/HDTD	VND	3,7%	2014	-	1.122.351.244
				<hr/>	<hr/>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, các khoản vay từ BIDV được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị ghi sổ là 9.500 triệu VND (31/12/2014: Không).

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

20. Vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1/1/2013	50.000.000.000	15.753.387.350	11.301.501.805	10.674.230.924	14.384.497.222	102.113.617.301
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	12.737.079.811	12.737.079.811
Phân bổ vào các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu (Thuyết minh 23)	-	-	1.075.608.908	537.804.454	(1.613.413.362)	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 17)	-	-	-	-	(531.173.550)	(531.173.550)
Cổ tức (Thuyết minh 22)	-	-	-	-	(7.500.000.000)	(7.500.000.000)
Sử dụng các quỹ	-	-	(12.198.182)	(10.483.091)	(43.000.000)	(65.681.273)
Thanh lý công ty con	-	-	(132.249.275)	(345.101.884)	477.351.159	-
Số dư tại ngày 1/1/2014	50.000.000.000	15.753.387.350	12.232.663.256	10.856.450.403	17.911.341.280	106.753.842.289
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	17.655.654.032	17.655.654.032
Phân bổ vào các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu (Thuyết minh 23)	-	-	1.273.707.981	636.853.991	(1.910.561.972)	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 17)	-	-	-	-	(636.853.991)	(636.853.991)
Cổ tức (Thuyết minh 22)	-	-	-	-	(7.500.000.000)	(7.500.000.000)
Thường cho Hội đồng Quản Trị và Ban Giám đốc (*)	-	-	-	-	(640.000.000)	(640.000.000)
Số dư tại ngày 31/12/2014	50.000.000.000	15.753.387.350	13.506.371.237	11.493.304.394	24.879.579.349	115.632.642.330

(*) Ngày 25 tháng 4 năm 2014, các cổ đông của Công ty và công ty con đã quyết định phân phối 690 triệu VND tiền thưởng cho Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc từ lợi nhuận thuần năm 2013. Công ty và công ty con đã chi trả 640 triệu VND.



21. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2014		31/12/2013	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	5.000.000	50.000.000.000	5.000.000	50.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	50.000.000.000	5.000.000	50.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	50.000.000.000	5.000.000	50.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

22. Cổ tức

Ngày 25 tháng 4 năm 2014, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức 7.500 triệu VND (1.500 VND trên một cổ phiếu).

Trong năm trước, ngày 24 tháng 4 năm 2013, các cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức 7.500 triệu VND (1.500 VND trên một cổ phiếu).

23. Các quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu

Ngày 25 tháng 4 năm 2014, các cổ đông của Công ty đã quyết định trích lập 1.274 triệu VND vào Quỹ đầu tư và phát triển và 637 triệu VND vào Quỹ dự phòng tài chính từ lợi nhuận thuần năm 2013.

Ngày 24 tháng 4 năm 2013, các cổ đông của Công ty đã quyết định trích lập 1.075 triệu VND vào Quỹ đầu tư và phát triển và 538 triệu VND vào Quỹ dự phòng tài chính từ lợi nhuận thuần của năm 2012.

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

24. Doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2014	2013
	VND	VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	415.707.238.032	483.464.190.693
▪ Doanh thu cho thuê	928.296.608	1.022.727.279
	<hr/> 416.635.534.640	<hr/> 484.486.917.972
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	11.139.536.508	1.568.649.857
▪ Hàng bán bị trả lại	183.162.798	734.832.776
	<hr/> 11.322.699.306	<hr/> 2.303.482.633
Doanh thu thuần	<hr/> <hr/> 405.312.835.334	<hr/> <hr/> 482.183.435.339

25. Giá vốn hàng bán

	2014	2013
	VND	VND
Tổng giá vốn hàng bán của		
▪ Thành phẩm đã bán	292.960.468.853	363.982.253.255
▪ Giá vốn cho thuê	306.472.041	306.472.041
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	526.556.148	858.421.861
	<hr/> 293.793.497.042	<hr/> 365.147.147.157

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

26. Doanh thu hoạt động tài chính

	2014 VND	2013 VND
Lãi tiền gửi	204.879.009	175.459.938
Cổ tức được chia	100.531.400	124.421.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	293.789.700	10.356.163
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	977.174
	<hr/> 599.200.109	<hr/> 311.214.275

27. Chi phí tài chính

	2014 VND	2013 VND
Chi phí lãi vay	628.756.220	2.652.224.541
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng đầu tư tài chính	(640.987.400)	28.925.800
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	186.707.585	12.667.771
Chênh lệch giữa khoản thu từ thanh lý và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con bị thanh lý	-	1.180.402.339
Chi phí tài chính khác	-	401.092.616
	<hr/> 174.476.405	<hr/> 4.275.313.067

28. Thu nhập khác

	2014 VND	2013 VND
Thu từ thanh lý tài sản cố định hữu hình	309.700.000	-
Thu từ bán công cụ, dụng cụ	198.066.621	614.008.852
Bán phế liệu	5.699.186.420	2.483.270.074
Bồi thường nhận được từ các bên khác	64.939.000	150.000.000
Thu nhập khác	259.258.797	453.949.175
	<hr/> 6.531.150.838	<hr/> 3.701.228.101

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

29. Chi phí khác

	2014 VND	2013 VND
Giá trị của các công cụ, dụng cụ đã thanh lý	27.613.105	488.898.309
Giá vốn phế liệu	5.699.186.420	2.203.376.125
Chi phí khác	955.406.854	961.237.223
	<hr/>	<hr/>
	6.682.206.379	3.653.511.657
	<hr/>	<hr/>

30. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2014 VND	2013 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	5.355.057.492	6.001.039.699
Dự phòng thiếu trong những năm trước	-	539.707.894
	<hr/>	<hr/>
	5.355.057.492	6.540.747.593
	<hr/>	<hr/>

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2014 VND	2013 VND
Lợi nhuận trước thuế	23.010.711.524	19.277.827.404
	<hr/>	<hr/>
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	5.062.356.535	4.819.456.851
Chi phí không được khấu trừ thuế	538.789.179	992.213.777
Thu nhập không bị tính thuế	(22.116.908)	(31.105.250)
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng đối với lỗ tính thuế không được ghi nhận	-	66.598.553
Lỗ tính thuế được sử dụng	(499.879.321)	(1.118.181.107)
Ảnh hưởng của các bút toán hợp nhất	275.908.007	1.272.056.875
Dự phòng thiếu trong những năm trước	-	539.707.894
	<hr/>	<hr/>
	5.355.057.492	6.540.747.593
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(c) Thuế suất áp dụng

Công ty và công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 22% trên lợi nhuận tính thuế cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (năm 2013: 25%).

Theo Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, ngày 19 tháng 6 năm 2013, mức thuế suất thuế thu nhập của Công ty và công ty con được giảm từ 25% xuống 22% cho năm 2014 và 2015, và giảm tiếp xuống 20% từ năm 2016.

31. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông là 17.655.654.032 VND (2013: 12.737.079.811 VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 5.000.000 cổ phiếu (31/12/2013: 5.000.000 cổ phiếu).

32. Các công cụ tài chính

(a) Quản lý rủi ro tài chính

(i) Tổng quan

Các loại rủi ro mà Công ty và công ty con phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Công ty và công ty con có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty và công ty con sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Ban Kiểm soát của Công ty và công ty con chịu trách nhiệm kiểm tra xem Ban Giám đốc giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Công ty và công ty con như thế nào, và soát xét tính thích hợp của khung quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Công ty và công ty con gặp phải.

(ii) Khung quản lý rủi ro

Ban Kiểm soát của Công ty và công ty con có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Công ty và công ty con. Ban Kiểm soát có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Công ty và công ty con.

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Công ty và công ty con nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và các khoản đầu tư vào chứng khoán nợ.

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Thuyết minh	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	(i)	13.666.270.873	21.507.124.169
Phải thu khách hàng và phải thu khác	(ii)	15.033.162.438	8.968.081.551
		28.699.433.311	30.475.205.720

(i) *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền gửi ngân hàng của Công ty và công ty con chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty và công ty con.

(ii) *Phải thu khách hàng và phải thu khác*

Rủi ro tín dụng của Công ty và công ty con chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, Ban Giám đốc của Công ty và công ty con đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được đánh giá riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi Công ty và công ty con đưa ra các điều khoản và điều kiện giao hàng và thanh toán chuẩn cho khách hàng đó. Hạn mức mua hàng trả chậm được thiết lập cho mỗi khách hàng, thể hiện số dư phải thu tối đa mà không cần phê duyệt bởi Tổng Giám đốc. Hạn mức này được soát xét hàng năm. Khoản phải thu đáo hạn trong vòng 30 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn. Khách hàng có số dư phải thu vượt quá 30 ngày được yêu cầu phải thanh toán số dư này trước khi được tiếp tục mua trả chậm. Công ty và công ty con không nắm giữ tài sản đảm bảo nào từ các khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá chủ yếu là khoản phải thu từ các công ty có lịch sử trả nợ đáng tin cậy đối với Công ty và công ty con. Ban Giám đốc tin rằng các khoản phải thu này có chất lượng tín dụng cao.

Tuổi nợ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác đã quá hạn nhưng không giảm giá tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Quá hạn từ 1 – 30 ngày	1.772.243.320	4.030.918.210
Quá hạn từ 31 – 180 ngày	3.154.930.155	3.893.698.784
	4.927.173.475	7.924.616.994

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN**

Biến động trong năm của dự phòng các khoản phải thu khó đòi như sau:

	2014 VND	2013 VND
Số dư đầu năm	6.844.049.452	6.838.027.093
Tăng dự phòng trong năm	-	212.000.000
Hoàn nhập	-	(37.330.374)
Thanh lý công ty con	-	(168.647.267)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	6.844.049.452	6.844.049.452

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Công ty và công ty con không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Công ty và công ty con là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Công ty và công ty con luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty và công ty con.

Tại ngày báo cáo, các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

31/12/2014

	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	1 – 2 năm VND	2 – 5 năm VND
Phải trả người bán và các khoản phải trả khác	46.984.260.088	46.984.260.088	46.984.260.088	-	-
Các khoản vay ngắn hạn	5.916.339.109	5.956.957.904	5.956.957.904	-	-
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	52.900.599.197	52.941.217.992	52.941.217.992	-	-

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

31/12/2013

	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	1 – 2 năm VND	2 – 5 năm VND
Phải trả người bán và các khoản phải trả khác	30.668.203.721	30.668.203.721	30.396.918.006	271.285.715	-
Các khoản vay ngắn hạn	10.159.608.819	10.837.116.102	10.837.116.102	-	-
Các khoản vay dài hạn	1.122.351.244	1.135.150.662	1.135.150.662	-	-
	41.950.163.784	42.640.470.485	42.369.184.770	271.285.715	-

Công ty và công ty con quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách đầu tư khoản tiền thặng dư vào các khoản đầu tư ngắn hạn, duy trì một số hạn mức tín dụng với các ngân hàng và duy trì vốn lưu động của Công ty và công ty con.

(d) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty và công ty con hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty và công ty con nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(i) Rủi ro tỷ giá hối đoái

Công ty và công ty con có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch mua, bán và đi vay bằng đơn vị tiền tệ không phải là VND, đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty và công ty con. Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là USD.

Rủi ro tỷ giá hối đoái của Công ty và công ty con được quản lý bằng cách giữ mức rủi ro ở mức có thể chấp nhận được thông qua việc mua hoặc bán ngoại tệ ở tỷ giá giao ngay khi cần thiết để xử lý việc mức rủi ro tỷ giá hối đoái ngắn hạn vượt mức cho phép.

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái

Công ty và công ty con có các khoản nợ phải trả tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái như sau:

	31/12/2014	31/12/2013
	USD	USD
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.563	185.247
Phải thu khách hàng	335.792	-
Vay ngắn hạn	(279.092)	-
Phải trả người bán	(20.709)	-
	<hr/>	<hr/>
	40.554	185.247
	<hr/>	<hr/>

Sau đây là những tỷ giá ngoại tệ chính được Công ty và công ty con áp dụng:

	Tỷ giá tại ngày	
	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
USD/VND	21.378	21.165
	<hr/>	<hr/>

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận thuần của Công ty và công ty con sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường tại ngày 31 tháng 12. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất, và bỏ qua ảnh hưởng của các dự báo bán hàng và mua sắm:

	Ảnh hưởng đối với
	lợi nhuận thuần
	VND
31/12/2014	
USD (mạnh thêm 1% so với VND)	6.762.315
31/12/2013	
USD (mạnh thêm 2% so với VND)	58.811.291
	<hr/>

Biến động ngược lại của tỷ giá các đồng tiền có thể có cùng mức độ tác động nhưng ngược chiều đối với lợi nhuận thuần của Công ty và công ty con.

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(ii) Rủi ro lãi suất

Tại ngày báo cáo, tất cả các khoản vay ngắn hạn và nợ dài hạn của Công ty và công ty con chịu lãi suất cố định. Lợi nhuận thuần của Công ty và công ty con sẽ không bị ảnh hưởng bởi tính bất ổn tiềm tàng của lãi suất.

(iii) Các rủi ro thị trường khác

Rủi ro giá cổ phiếu phát sinh từ chứng khoán vốn sẵn sàng để bán do Công ty và công ty con nắm giữ. Ban Giám đốc của Công ty theo dõi các chứng khoán vốn trong danh mục đầu tư dựa trên các chỉ số thị trường. Các khoản đầu tư trọng yếu trong danh mục đầu tư được quản lý riêng rẽ và Ban Giám đốc của Công ty phê duyệt tất cả các quyết định mua và bán.

(e) Giá trị hợp lý

(i) So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính, cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày tại bảng cân đối kế toán, như sau:

	31/12/2014		31/12/2013	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Được phân loại là tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:				
- Các khoản đầu tư ngắn hạn vào công cụ vốn chủ sở hữu nắm giữ để kinh doanh	2.079.449.600	2.079.449.600	1.741.762.200	1.741.762.200
Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:				
- Tiền và các khoản tương đương tiền	14.127.622.047	14.127.622.047	22.228.467.834	22.228.467.834
- Phải thu khách hàng và phải thu khác	15.033.162.438	15.033.162.438	8.968.081.551	8.968.081.551
Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:				
- Phải trả người bán và phải trả khác	(46.984.260.088)	(46.984.260.088)	(30.668.203.721)	(30.668.203.721)
- Các khoản vay ngắn hạn	(5.916.339.109)	(5.916.339.109)	(10.159.608.819)	(10.159.608.819)
- Các khoản vay dài hạn	-	-	(1.122.351.244)	(*)
	(21.660.365.112)	(21.660.365.112)	(9.011.852.199)	(*)

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(ii) Cơ sở xác định giá trị hợp lý

Các khoản đầu tư vào chứng khoán vốn chủ sở hữu và chứng khoán nợ

Giá trị hợp lý của chứng khoán vốn chủ sở hữu và chứng khoán nợ được xác định bằng kỹ thuật định giá theo phương pháp giá thị trường. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

Tài sản và nợ phải trả tài chính phi phái sinh ngắn hạn

Giá trị hợp lý của các khoản tài sản và nợ phải trả tài chính phi phái sinh ngắn hạn được xác định là giá trị ghi sổ do bản chất ngắn hạn của các công cụ tài chính này.

Tài sản và nợ phải trả tài chính phi phái sinh dài hạn

(*) Công ty và công ty con chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh dài hạn để thuyết minh thông tin theo quy định tại Điều 28 Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính bởi vì (i) không có giá niêm yết trên thị trường cho các tài sản và nợ phải trả tài chính này, và (ii) Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá niêm yết trên thị trường. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

33. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm Công ty và công ty con các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2014 VND	2013 VND
Thành viên Ban Giám đốc		
Tiền lương và thưởng	2.345.366.180	2.538.734.314
Thành viên Hội đồng quản trị		
Tiền lương và thưởng	2.178.437.196	1.666.000.000

34. Cam kết

(a) Chi tiêu vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty và công ty con có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	7.990.000.000	-

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(b) Hợp đồng thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Trong vòng một năm	1.210.200.000	555.185.840
Trong vòng hai đến năm năm	-	361.600.000
	<hr/>	<hr/>
	1.210.200.000	916.785.840

35. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2014 VND	2013 VND
Chi phí nguyên vật liệu bao gồm trong chi phí sản xuất	270.765.996.723	345.035.426.297
Chi phí nhân công	74.277.086.078	61.348.326.379
Chi phí khấu hao	7.816.962.781	8.624.412.932
Chi phí dịch vụ mua ngoài	30.619.729.238	40.727.545.880
Chi phí khác	14.042.473.221	17.839.984.137

Người lập:



Nguyễn Hồng Nam
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Văn Bình
Tổng Giám đốc

13 -03- 2015